

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**MỤC LỤC**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 29

15/06/2020 01:00

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch – miễn nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Nguyễn Phạm Thuýễn	Chủ tịch – bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Hoàng Thuýễn	Phó Chủ tịch – miễn nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Nguyễn Đức Nhiễn	Phó Chủ tịch – bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chien Hung	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên – miễn nhiệm ngày 10/04/2020
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên – bổ nhiệm ngày 10/04/2020

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 27/04/2020
Ông Nguyễn Đức Nhiễn	Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Hoàng Thuýễn	Phó Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 06/02/2020
Ông Nguyễn Phạm Thuýễn	Phó Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 10/04/2020

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đức Nhiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2020

Số: 21.111-R/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2020

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.350.015.425</b>	<b>50.906.563.995</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>3.146.822.641</b>	<b>4.871.978.130</b>
1. Tiền	111		3.146.822.641	2.871.978.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.304.718.997</b>	<b>27.456.514.213</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	31.660.435.752	27.655.538.082
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	438.681.320	478.278.440
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.316.431.110	1.491.526.876
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.110.829.185)	(2.168.829.185)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>18.846.233.228</b>	<b>16.566.340.937</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.182.196.492	16.902.304.201
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(335.963.264)	(335.963.264)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>52.240.559</b>	<b>11.730.715</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	52.240.559	11.730.715
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.311.095.107</b>	<b>12.199.171.411</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.066.960.000</b>	<b>1.068.460.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.066.960.000	1.068.460.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.337.340.562</b>	<b>5.992.319.731</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	5.337.340.562	5.992.319.731
Nguyên giá	222		31.370.996.727	30.876.745.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.033.656.165)	(24.884.425.796)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	5.019.000.000	5.019.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>887.794.545</b>	<b>119.391.680</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.27	887.794.545	119.391.680
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>65.661.110.532</b>	<b>63.105.735.406</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.240.278.261</b>	<b>25.971.645.705</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.572.587.711</b>	<b>25.303.955.155</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	7.913.687.944	12.887.952.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.064.201	228.305.062
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	833.355.042	468.438.404
4. Phải trả người lao động	314		3.582.442.792	3.651.233.208
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	9.082.560.628	5.500.614.943
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	1.034.344.569	1.034.055.506
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	4.390.352.416	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		704.780.119	1.533.355.119
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>667.690.550</b>	<b>667.690.550</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	667.690.550	667.690.550
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.420.832.271</b>	<b>37.134.089.701</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.14	<b>37.420.832.271</b>	<b>37.134.089.701</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.262.342.374	13.262.342.374
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.458.109.897	7.171.367.327
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.375.822.327	2.958.553.418
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.082.287.570	4.212.813.909
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>65.661.110.532</b>	<b>63.105.735.406</b>



**Nguyễn Đức Nhiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2020

**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Kiều Thị Thanh Loan**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.16	74.275.305.181	74.537.965.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.17	7.632.603.756	7.988.009.407
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.642.701.425	66.549.956.429
4. Giá vốn hàng bán	11	4.18	50.033.609.191	49.500.995.443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.609.092.234	17.048.960.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	403.544.802	65.386.650
7. Chi phí tài chính	22	4.20	1.685.538.552	1.641.260.171
Trong đó, chi phí lãi vay	23		175.869.730	214.808.867
8. Chi phí bán hàng	25	4.21	5.280.208.569	4.760.031.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	5.968.832.812	6.395.078.459
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.078.057.103	4.317.977.236
11. Thu nhập khác	31	4.23	1.233.447.892	1.016.071.724
12. Chi phí khác	32	4.24	261.449.852	387.656.061
13. Lợi nhuận khác	40		971.998.040	628.415.663
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.050.055.143	4.946.392.899
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.26	1.736.170.438	762.193.957
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4.27	(768.402.865)	278.166.280
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.082.287.570	3.906.032.662
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.14.4	2.205	2.110



**Nguyễn Đức Nhiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2020

**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Kiều Thị Thanh Loan**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.050.055.143	4.946.392.899
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.25	1.149.230.369	1.312.443.447
Các khoản dự phòng	03	4.22	(58.000.000)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(397.619.562)	(62.449.379)
Chi phí lãi vay	06	4.20	175.869.730	214.808.867
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>5.919.535.680</b>	<b>6.411.195.834</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.639.836.384)	(2.304.641.943)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.279.892.291)	(847.015.301)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.299.033.140)	(621.207.085)
Tiền lãi vay đã trả	14		(175.869.730)	(214.808.867)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.776.680.282)	(1.318.415.854)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.100.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(828.575.000)	(370.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>(4.080.351.147)</b>	<b>736.176.784</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(637.231.320)	(1.025.452.452)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.19	397.619.562	62.449.379
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>1.760.388.242</b>	<b>(963.003.073)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.28	16.257.580.997	22.863.374.267
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.29	(11.867.228.581)	(21.415.958.091)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.1	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>594.807.416</b>	<b>(2.348.128.824)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(1.725.155.489)</b>	<b>(2.574.955.113)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.871.978.130	5.829.066.110
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	4.1	<b>3.146.822.641</b>	<b>3.254.110.997</b>



*Nguyễn Đức Nhiên*  
**Nguyễn Đức Nhiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2020

*Huỳnh Thị Thanh Hương*  
**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
**Kế toán trưởng**

*Kiều Thị Thanh Loan*  
**Kiều Thị Thanh Loan**  
**Người lập biểu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai). Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 04 năm 2020 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 196 (31/12/2019: 193).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn; và
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2020 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Bắc Ninh

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2019.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	448.061.926	263.136.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.698.760.715	2.608.842.091
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.146.822.641</b>	<b>4.871.978.130</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	4.200.000.000	7.728.000.000 (1)	4.200.000.000	7.434.000.000 (1)
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	- (2)	819.000.000	- (2)
<b>Cộng</b>	<b>5.019.000.000</b>		<b>5.019.000.000</b>	

(1) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2020.

(2) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH PPG Việt Nam	4.310.653.138	3.302.888.090
Cty TNHH MTV Sương Sơn	3.272.968.195	1.312.883.239
Các khách hàng khác	24.076.814.419	23.039.766.753
<b>Cộng</b>	<b><u>31.660.435.752</u></b>	<b><u>27.655.538.082</u></b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam Vietravel – CN Đồng Nai	211.500.000	-
Công ty TNHH D.H.D	71.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ khí Đông Dương	93.555.000	-
Các nhà cung cấp khác	62.626.320	478.278.440
<b>Cộng</b>	<b><u>438.681.320</u></b>	<b><u>478.278.440</u></b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn:</b>				
Phải thu người lao động	78.922.812	-	37.079.091	-
Phải thu khác	1.237.508.298	-	1.454.447.785	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.316.431.110</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.491.526.876</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Dài hạn:</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.066.960.000	-	1.068.460.000	-

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.110.829.185	-	2.168.829.185	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	1.096.000.000	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	-	367.017.470	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	647.811.715	-	705.811.715	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>2.110.829.185</b>	<b>-</b>	<b>2.168.829.185</b>	<b>-</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.873.903.040	(189.481.343)	7.277.272.191	(189.481.343)
Công cụ, dụng cụ	681.262.307	-	583.061.932	-
Bán thành phẩm	495.543.910	-	443.717.943	-
Thành phẩm	9.127.197.034	(146.481.921)	8.590.886.133	(146.481.921)
Hàng hóa	4.290.201	-	7.366.002	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.182.196.492</u></b>	<b><u>(335.963.264)</u></b>	<b><u>16.902.304.201</u></b>	<b><u>(335.963.264)</u></b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 4.13.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	7.953.820.577	15.933.091.033	6.857.573.372	132.260.545	30.876.745.527
Mua trong kỳ	-	494.251.200	-	-	494.251.200
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>7.953.820.577</b>	<b>16.427.342.233</b>	<b>6.857.573.372</b>	<b>132.260.545</b>	<b>31.370.996.727</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	6.753.358.132	12.246.654.058	5.752.153.061	132.260.545	24.884.425.796
Khấu hao trong kỳ	173.150.166	755.840.482	220.239.721	-	1.149.230.369
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>6.926.508.298</b>	<b>13.002.494.540</b>	<b>5.972.392.782</b>	<b>132.260.545</b>	<b>26.033.656.165</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	1.200.462.445	3.686.436.975	1.105.420.311	-	5.992.319.731
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>1.027.312.279</b>	<b>3.424.847.693</b>	<b>885.180.590</b>	<b>-</b>	<b>5.337.340.562</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 của TSCĐ hữu hình là 1.162.358.785 VND được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.947.530.434 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Maha Chemicals (Asia) PTE Ltd	920.816.000	920.816.000	476.679.600	476.679.600
Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	840.093.124	840.093.124	900.008.226	900.008.226
Phải trả cho các đối tượng khác	6.152.778.820	6.152.778.820	11.511.265.087	11.511.265.087
<b>Cộng</b>	<b>7.913.687.944</b>	<b>7.913.687.944</b>	<b>12.887.952.913</b>	<b>12.887.952.913</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	696.805.441	3.605.238.791	3.158.614.462	-	250.181.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.240.559	-	1.736.170.438	1.776.680.282	11.730.715	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	136.549.601	579.796.904	661.504.595	-	218.257.292
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>52.240.559</b>	<b>833.355.042</b>	<b>5.925.206.133</b>	<b>5.600.799.339</b>	<b>11.730.715</b>	<b>468.438.404</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền thưởng doanh số đại lý phải trả	2.932.000.000	91.666.000
Chi phí chương trình khuyến mãi phải trả	307.000.000	3.116.000
Chi phí hội nghị khách hàng phải trả	4.438.972.727	4.500.000.000
Các khoản phải trả khác	1.404.587.901	905.832.943
<b>Cộng</b>	<b>9.082.560.628</b>	<b>5.500.614.943</b>

**4.12. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	34.344.569	34.055.506
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.034.344.569</b>	<b>1.034.055.506</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	667.690.550	667.690.550

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.13. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	4.390.352.416	4.390.352.416	16.257.580.997	11.867.228.581	-	-

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 21/2020-HĐCVHM/NHCT 682-SDN ngày 15/05/2020. Thời hạn vay không quá 5 tháng, hạn mức tín dụng 20 tỷ VND, lãi suất theo từng giấy nhận nợ với lãi suất bình quân là 7,5%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 01/SĐN/2011/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.8.
- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/SĐN/2010/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.8.
- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 03/SĐN/2012/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.7.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND	
Số dư tại ngày 01/01/2019	15.182.180.000	12.304.793.432	1.518.200.000	6.754.098.418	35.759.271.850	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	3.906.032.662	3.906.032.662	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)	
Số dư tại ngày 30/06/2019	15.182.180.000	12.304.793.432	1.518.200.000	6.864.586.080	35.869.759.512	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	2.477.626.950	2.477.626.950	
Trích quỹ ĐTPT năm 2019	-	957.548.942	-	(957.548.942)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	(1.213.296.761)	(1.213.296.761)	
Số dư tại ngày 01/01/2020	15.182.180.000	13.262.342.374	1.518.200.000	7.171.367.327	37.134.089.701	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	4.082.287.570	4.082.287.570	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)	
<b>Số dư tại ngày 30/06/2020</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>13.262.342.374</b>	<b>1.518.200.000</b>	<b>7.458.109.897</b>	<b>37.420.832.271</b>	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
<b>Cộng</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>15.182.180.000</b>

**4.14.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.14.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.082.287.570	3.906.032.662
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(734.811.763)	(703.085.879)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.347.475.807	3.202.946.783
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.518.218	1.518.218
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.205</b>	<b>2.110</b>

**4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2012	260.051.215	260.051.215
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

**4.17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	7.350.996.583	7.854.875.477
Hàng bán bị trả lại	281.607.173	133.133.930
<b>Cộng</b>	<b>7.632.603.756</b>	<b>7.988.009.407</b>

**4.18. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán phát sinh trong kỳ.

**4.19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	61.656.522	62.449.379
Cổ tức, lợi nhuận được chia	335.963.040	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.925.240	2.937.271
<b>Cộng</b>	<b>403.544.802</b>	<b>65.386.650</b>

**4.20. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	175.869.730	214.808.867
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.405.600	5.105.562
Chiết khấu thanh toán	1.501.263.222	1.421.345.742
<b>Cộng</b>	<b>1.685.538.552</b>	<b>1.641.260.171</b>

**4.21. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vật liệu, bao bì	437.949.741	463.875.229
Chi phí khấu hao TSCĐ	264.644.587	346.215.596
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	3.165.109.020	2.799.183.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.062.090	224.736.363
Chi phí bằng tiền khác	1.159.443.131	926.020.659
<b>Cộng</b>	<b>5.280.208.569</b>	<b>4.760.031.770</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	3.477.821.398	3.277.745.185
Chi phí vật liệu quản lý	188.820.696	186.594.472
Chi phí đồ dùng văn phòng	189.500.513	106.330.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.858.340	92.478.930
Thuế, phí và lệ phí	110.112.749	125.583.675
Chi phí dự phòng	(58.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.561.356	347.762.944
Chi phí bằng tiền khác	1.672.157.760	2.258.582.940
<b>Cộng</b>	<b>5.968.832.812</b>	<b>6.395.078.459</b>

**4.23. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	733.323.000	731.596.000
Thu nhập từ bán dung môi vệ sinh	188.895.000	-
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	273.593.910	267.340.314
Thu nhập khác	37.635.982	17.135.410
<b>Cộng</b>	<b>1.233.447.892</b>	<b>1.016.071.724</b>

**4.24. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xử lý hao hụt vật tư thiếu	261.164.698	285.131.806
Các khoản khác	285.154	102.524.255
<b>Cộng</b>	<b>261.449.852</b>	<b>387.656.061</b>

**4.25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.495.932.035	31.200.990.189
Chi phí nhân công	12.854.846.888	12.802.988.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.149.230.369	1.312.443.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.717.334.295	11.240.181.512
Chi phí khác bằng tiền	6.650.368.052	5.288.155.442
<b>Cộng</b>	<b>61.867.711.639</b>	<b>61.844.758.975</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.050.055.143	4.946.392.899
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.563.718.487	255.408.290
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(932.921.440)	(1.390.831.400)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.680.852.190	3.810.969.789
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>1.736.170.438</b>	<b>762.193.957</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, không hóa đơn, chứng từ; chi phí trích trước đến kỳ hạn vẫn chi không hết...

**4.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Chi phí trả trước VND
Tại ngày 01/01/2019	(328.166.280)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	208.774.600
Tại ngày 01/01/2020	(119.391.680)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(768.402.865)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>(887.794.545)</b>

**4.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.257.580.997	22.863.374.267

**4.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(11.867.228.581)	(21.415.958.091)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.30. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại
- Gia công sơn

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	45.006.643.583	45.032.099.104	21.636.057.842	21.517.857.325	66.642.701.425	66.549.956.429
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận	2.675.055.994	2.600.793.096	2.684.994.859	3.293.057.661	5.360.050.853	5.893.850.757
Doanh thu tài chính					403.544.802	65.386.650
Chi phí tài chính					(1.685.538.552)	(1.641.260.171)
Thu nhập khác					1.233.447.892	1.016.071.724
Chi phí khác					(261.449.852)	(387.656.061)
Lợi nhuận trước thuế					5.050.055.143	4.946.392.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(967.767.573)	(1.040.360.237)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>4.082.287.570</b>	<b>3.906.032.662</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tài sản của bộ phận	46.335.379.478	41.925.344.418	9.685.577.415	8.561.136.229	56.020.956.893	50.486.480.647
Tài sản không phân bổ					9.640.153.639	12.619.254.759
<b>Tổng tài sản</b>					<b>65.661.110.532</b>	<b>63.105.735.406</b>

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ phải trả của bộ phận	12.369.449.130	13.150.313.481	1.000.000.000	1.000.000.000	13.369.449.130	14.150.313.481
Nợ phải trả không phân bổ					14.870.829.131	11.821.332.224
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>28.240.278.261</b>	<b>25.971.645.705</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	637.231.320	1.291.496.691	-	-	637.231.320	1.291.496.691
Chi phí khấu hao trong kỳ	1.007.256.381	1.132.605.288	141.973.988	179.838.159	1.149.230.369	1.312.443.447

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.31. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- |   |                                 |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi) | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc                          | Nhân sự quản lý chủ chốt        |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	1.138.860.000	1.138.860.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	788.638.000	582.092.000
Cổ tức trả cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	600.492.500	600.092.500

**4.32. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	71.222.000	66.490.000

**4.33. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	247.181.428	245.023.170

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	247.181.428	247.181.428
Trên 1 năm đến 5 năm	686.252.061	686.252.060
Trên 5 năm	3.156.759.481	3.294.009.888
<b>Cộng</b>	<b><u>4.090.192.970</u></b>	<b><u>4.227.443.376</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.34. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Vào tháng 07/2020, Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



  
Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2020

  
Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

  
Kiều Thị Thanh Loan  
Người lập